TÒA ÁN N DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: 333/2017/DS-PT
Ngày: 28-12-2017
V/v tranh chấp: *"Yêu cầu mở lối đi qua bất động sản liền kề"*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Với thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Thủy

Các Thẩm phán: Ông Phan Văn Huyện

Ông Huỳnh Văn Ngoan

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Ông Lưu Duy Mạnh – Thư ký Tòa án N dân tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Minh Hoàng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 và 28 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 256/2017/TBTL-TA ngày 31/10/2017 về tranh chấp: "*Yêu cầu mở lối đi qua bất động sản liền kề*".

Do bản án sơ thẩm số 91/2017/DS-ST ngày 30/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 336/2017/QĐ-PT ngày 15/11/2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1964;

2. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1965;

Cùng địa chỉ: ấp M, xã M1, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện ủy quyền của ông T: bà Nguyễn Thị C (Theo văn bản ủy quyền ngày 30/8/2016).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Quang N, sinh năm 1995;

Địa chỉ : ấp Q, xã N1, Thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của anh N : ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1955 ;

Địa chỉ : số 41/5, Quốc lộ 60, khu phố 4, Phường 10, thành phố M2, tỉnh Tiền Giang (Theo văn bản ủy quyền ngày 12/12/2017).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan :*

1. Ủy ban nhân dân xã M1, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ: ấp M, xã M1, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo pháp luật: ông Bùi Văn T1 - Chủ tịch Ủy ban.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Trần Văn T3 - Phó chủ tịch Ủy ban (Theo văn bản ủy quyền ngày 12/12/2017).

2. Bà Bùi Thị Thi T2, sinh năm 1967;

Địa chỉ: ấp M2 Thạnh, xã M1, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn – Ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị C.

(Có mặt bà C, ông T. Vắng ông T3, bà T2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm:

** Nguyên đơn - ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị C trình bày*: Vợ chồng ông bà có thửa đất số 506, diện tích 1.014,1m^2, tọa lạc ấp M, xã M1, huyện C, tỉnh Tiền Giang; ngày 17/11/2014 được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trước đây, ông bà thường đi lại trên phần đất công cộng do Ủy ban nhân dân xã M1 quản lý để ra đường đi công cộng. Đến tháng 6 năm 2016, Ủy ban nhân dân xã M1 bán phần đất công cộng trên cho anh Nguyễn Quang N và anh N được Ủy ban N dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 681,1m^2, hiện anh N đã xây các ki-ốt ngăn lối đi vào đất của ông bà. Nay ông bà khởi kiện yêu cầu anh N mở cho ông bà lối đi chiều ngang 1,5 mét; chiều dài từ đất của ông bà cho đến đường đi công cộng.

** Đại diện ủy quyền của bị đơn trình bày:* Vào ngày 26/8/2016, anh Nguyễn Quang N được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 681,1m^2, đất tọa lạc ấp M, xã M1, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Nguồn gốc đất là do mua qua đấu giá từ Ủy ban nhân dân xã M1, khi mua đất, trên đất không có lối đi nào dẫn vào đất của ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị C. Trong khi đó, ông T, bà C hiện đang sử dụng lối đi thông qua phần đất của ông Bùi văn C1 và đất do Ủy ban nhân dân xã M1 quản lý để đi ra huyện lộ 35. Nay với yêu cầu khởi kiện của ông T, bà C, anh N không đồng ý.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:*

- *Ủy ban nhân dân xã M1 trình bày:* Ủy ban nhân dân xã M1 có quản lý thửa đất số 543, nằm trước thửa 544 của anh Nguyễn Quang N và tiếp giáp đường huyện 35. Nay với yêu cầu khởi kiện của ông T, bà C mở lối đi ngang phần đất của anh Nguyễn Quang N, nếu Tòa án xử mở cho ông T, bà C một lối đi ngang phần đất của anh N thì UBND xã M1 thống nhất cho đi qua thửa 543 (hành lang an toàn giao thông cặp đường huyện 35) để ra đường huyện 35.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – bà Bùi Thị Thi T2 trình bày:* Bà có làm hợp đồng thuê mặt bằng nhà trọ trên phần đất của anh Nguyễn Quang N đã xây dựng. Nay ông T, bà C khởi kiện yêu cầu mở lối đi trên phần đất của anh Nguyễn Quang N đi ngang qua phòng trọ chị đang thuê, bà T2 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T, bà C do yêu cầu khởi kiện không hợp lý vì trước đó đã có một lối đi hình thành trên phần đất của UBND xã M1 đến quán của ông Tư C1 (Bùi Văn C1) vào đất của ông T, bà C đã có từ trước, hiện ông C1 cũng đã ký cam kết để ông T, bà C có lối đi vĩnh viễn. Nên việc khởi kiện của ông T, bà C là không hợp lý sẽ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà và anh N.

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số 91/2015/DSST ngày 30/8/2017 của Tòa án N dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

- Áp dụng Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 254 Bộ luật dân sự 2015; Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị C đòi anh Nguyễn Quang N ngừng xây dựng và mở cho ông bà một lối đi chiều ngang 1,5m, chiều dài 22m (đo thực tế 9,07m) nằm trên thửa đất số 544, tờ bản đồ số 5, diện tích 681,1m^2 do anh Nguyễn Quang N đứng tên quyền sử dụng đất, tọa lạc tại ấp M, xã M1, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

* Ngày 8/9/2017, ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử lại theo hướng mở cho ông T, bà C lối đi thuận tiện để vào phần đất đang canh tác, lối đi ngang phần đất của ông N có chiều ngang 1,5 mét, chiều dài khoảng từ 9 –10 mét.

* Tại phiên tòa phúc thẩm: nguyên đơn Nguyễn Thị C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Ông Nguyễn Văn T – đại diện ủy quyền của bị đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Phát biểu của kiểm sát viên: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe quan điểm của kiểm sát viên, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Uỷ ban nhân dân xã M1 và chị Bùi Thị Thi T2 vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo qui định.

[2]. Về nội dung kháng cáo: ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị C kháng cáo cho rằng ông bà là chủ sử dụng thửa đất số 506, tờ bản đồ số 5, tọa lạc ấp M, xã M1, huyện C, tỉnh Tiền Giang, đã được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 17/11/2014. Trước đây, ông bà vẫn đi lại trên phần đất của Ủy ban nhân dân xã M1 quản lý để vào thửa 506. Ngày 08/6/2016, Ủy ban nhân dân xã M1 bán cho ông N thửa 544 trước mặt thửa 506, hiện tại ông N đã xây dựng nhiều ki-ốt, bít lối đi của ông bà. Ngày 20/6/2016, ông bà có thương lượng với anh N để xin mua một phần đất làm lối đi nhưng anh N không đồng ý. Ngày 26/8/2016, ông bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh N mở lối đi cho ông bà, đồng thời có đơn xin áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời cấm anh N xây dựng trên phần đất đang tranh chấp nhưng không được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận. Hiện nay ngoài lối đi này ông bà không có lối đi nào khác để ra đến đường công cộng. Việc Tòa án cấp sơ thẩm nhận định cho rằng ông Bùi Văn C1 cho ông bà đi chung lối đi, không rào cản là không có cơ sở, vì hiện nay đất của ông C1 đã bị cưỡng chế kê biên để thi hành án. Đất của ông C1 cũng không có lối đi ra đường công cộng nên không thể cho ông bà sử dụng chung lối đi. Mặt khác, Ủy ban N dân xã M1 đã có công văn trả lời phần đất của Ủy ban từ trước đến nay không có lối đi nào vào đất của ông C1. Vì trước đây phần đất này chưa quy hoạch nên tạm dùng làm sân vận động của xã, do thấy khoảng đất trống nên ông C1 tự lót đal cho khách ra vào quán chứ không có sự thỏa thuận với Ủy ban. Ủy ban không chấp nhận cho mở lối đi ngang qua đất của Ủy ban quản lý,

vì phần đất này sẽ xây dựng trụ sở làm việc của Công an xã. Từ những lý do trên, ông bà kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc anh N phải mở lối đi cho ông bà với chiều ngang 1,5 mét, chiều dài 9,07 mét.

Xét thấy, yêu cầu kháng cáo của bà C là có cơ sở, bởi các lẽ sau:

Căn cứ vào kết quả đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ thì thửa đất số 506 của ông T, bà C bị vây bọc bởi các bất động sản liền kề là đúng thực tế.

Phần đất ông T, bà C yêu cầu mở lối đi có diện tích 13,6m^2 (ngang 1,5 mét; dài 9,07 và 9,06 mét) nằm trong tổng số 681,1m^2 thuộc thửa 544 tờ bản đồ số 15, tọa lạc ấp M, xã M1, huyện C, tỉnh Tiền Giang thuộc quyền sử dụng của anh Nguyễn Quang N. Muốn đi ra đường huyện 35 phải đi qua thửa 544 của anh N, tiếp giáp với thửa 543 thuộc sự quản lý của Ủy ban nhân dân xã M1. Ngoài đường đi này, hộ bà C, ông T không còn đường đi nào khác.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn T (đại diện theo ủy quyền của anh N) cho rằng ngoài đường đi này thì gia đình bà C vẫn còn một đường đi khác qua thửa số 57 của ông Bùi Văn C1 và thửa 511 của Ủy ban N dân xã M1, trước đây giữa ông C1 và bà C đã thỏa thuận ông C1 sử dụng lối đi nào thì sẽ cho bà C sử dụng lối đi đó. Mặt khác trên phần đất bà C, ông T yêu cầu mở lối đi thì anh N đã xây dựng nhiều ki-ốt để cho thuê, nếu mở lối đi cho bà C sẽ làm thiệt hại đến tài sản và thu nhập của anh N, nên anh N không đồng ý mở lối đi cho ông T, bà C.

Xét thấy, tại Công văn số 10/UBND-ĐĐ ngày 06/3/2017 của Ủy ban nhân dân xã M1 (bút lục 57) có nội dung: trước đây phần đất thuộc thửa 511 chưa quy hoạch nên tạm dùng làm sân vận động của xã, do thấy có khoảng trống nên ông C1 tự lót đal cho khách ra vào quán để buôn bán chứ không có sự thỏa thuận với Ủy ban. Về khoảng trống hộ ông C1, ông T, bà C đang tạm đi là phần đất của Ủy ban nhân dân xã, không phải là lối đi công cộng. Ủy ban nhân dân xã không chấp nhận mở lối đi trên phần đất nêu trên vì phần đất này sẽ xây dựng làm trụ sở làm việc của công an xã.

Như vậy, việc ông T cho rằng ngoài lối đi đang tranh chấp, gia đình bà C có lối đi khác qua đất của ông C1 (thửa 57) và đất của Ủy ban nhân dân xã M1 (thửa 511) là không có cơ sở.

Việc Tòa án cấp sơ thẩm nhận định cho rằng ngoài lối đi này, gia đình bà C đang sử dụng lối đi qua đất của ông Bùi Văn C1 là không đúng thực tế, không phù hợp với nội dung công văn nêu trên của Ủy ban nhân dân xã M1. Như vậy, nếu không được sử dụng lối đi đang tranh chấp thì hộ bà C không còn lối đi nào khác để ra đường công cộng. Mặt khác, hồ sơ vụ án cũng thể hiện thửa 57 của ông Bùi Văn C1 đang bị cưỡng chế kê biên để thi hành án, hộ ông C1 không có lối đi để ra

đường công cộng, nên cũng không thể cho hộ bà C sử dụng chung lối đi. Nếu hộ ông C1 chừa lối đi cho hộ bà C mà Ủy ban nhân dân xã M1 không đồng ý cho hộ bà C đi qua thửa 511 mà Ủy ban đã có kế hoạch xây dựng trụ sở làm việc của công an xã, thì hộ bà C cũng không có lối đi nào để ra đến đường công cộng.

Tại Điều 254 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

"1. Chủ sở hữu có bất động sản bị vây bọc bởi các bất động sản của các chủ sở hữu khác mà không có hoặc không đủ lối đi ra đường công cộng, có quyền yêu cầu chủ sở hữu bất động sản vây bọc dành cho mình một lối đi hợp lý trên phần đất của họ

Lối đi được mở trên bất động sản liền kề nào mà được coi là thuận tiện và hợp lý nhất, có tính đến đặc điểm cụ thể của địa điểm, lợi ích của bất động sản bị vây bọc và thiệt hại gây ra là ít nhất cho bất động sản có mở lối đi".

Như vậy, căn cứ vào các chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án thì lối đi qua thửa 544 của anh N là lối đi thuận tiện và hợp lý nhất để hộ bà C ra đến đường công cộng. Vì lối đi này có chiều dài từ 9,06 mét đến 9,07 mét, tiếp giáp với thửa 543 thuộc sự quản lý của Ủy ban nhân dân xã M1 là ra đến đường công cộng. Tại công văn số 31/UBND-ĐĐ ngày 26/6/2017 của Ủy ban nhân dân xã M1 (bút lục 88), có nêu: nếu trường hợp Tòa xử mở cho ông T, bà C một lối đi trên phần đất của anh N thì Ủy ban nhân dân xã thống nhất cho đi qua phần đất thuộc thửa 543 (hành lang an toàn giao thông cặp đường huyện 35 để ra đường huyện 35).

Mặc dù việc buộc anh N mở lối đi có diện tích 13,6m^2 ngay giữa phần đất thuộc thửa 544 sẽ gây thiệt hại đến một phần diện tích ki-ốt của anh N đã xây dựng, theo biên bản định giá tài sản ngày 15/02/2017 thì giá trị tài sản thiệt hại là 49.411.000 đồng, nhưng thiệt hại đó không lớn so với việc mở lối đi ở cuối phần đất, bởi vì nếu mở lối đi ở cuối phần đất thì anh N phải tháo dỡ hàng loạt ki-ốt vì các ki-ốt này được xây hết chiều sâu của thửa 544. Mặt khác, trước khi anh N tiến hành xây dựng các ki-ốt để cho thuê thì ông T, bà C đã có đơn xin áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm cấm anh N xây dựng nhưng không được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận. Theo bà C trình bày hơn một năm nay gia đình bà không có lối đi vào thửa 506 nên không thể canh tác vườn dừa, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của ông bà. Do đó, việc ông T, bà C kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, bà C, buộc anh N phải mở lối đi cho ông T, bà C với diện tích 13,6m^2 (ngang 1,5 mét; dài 9,07 và 9,06 mét) là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T, bà C, sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào biên bản định giá tài sản (bút lục 65), thì trên phần đất buộc mở lối đi có tài sản của anh N, Hội đồng xét xử buộc anh N phải tháo dỡ để mở lối đi cho ông T, bà C gồm:

+ Nhà ở: cấu trúc móng cột bê tông, tường xây gạch + sơn, kèo thép, mái tole, nền Ceramic 400 x 400, có trần, có khu phụ. Diện tích 1,5m x 08m = 12 m^2, trị giá 44.760.000 đồng;

+ Mái che: cấu trúc cột thép, kèo thép. Mái tole, nền đá xanh, không vách. Diện tích 11,4 m^2, trị giá 4.651.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản thiệt hại 49.411.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà C đồng ý bồi thường cho anh N 49.411.000 đồng, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

Căn cứ vào Tờ tự khai của bà Bùi Thị Thi T2 (bút lục 108) thì phần tài sản buộc tháo dỡ thuộc quyền sở hữu của anh N, anh N đang cho bà T2 thuê mướn để kinh doanh. Bà T2 không có yêu cầu độc lập trong vụ án này nên giữa anh N và bà T2 nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát không phù hợp với những nhận định nêu trên nên không được chấp nhận.

* Về án phí: Anh N phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; bà C, ông T phải chịu 2.270.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Do sửa án nên các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 148, khoản 1 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 254, Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội *"quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án"*

1/ Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị C.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 91/2017/DS-ST ngày 30/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị C về việc yêu cầu anh Nguyễn Quang N mở lối đi.

Buộc anh Nguyễn Quang N phải mở lối đi cho ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị C với diện tích 13,6m^2 thuộc thửa 544, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại ấp M, xã M1, huyện C, tỉnh Tiền Giang khi án có hiệu lực pháp luật (có sơ đồ vị trí đất kèm theo).

Buộc anh Nguyễn Quang N phải tháo dỡ, di dời tài sản trên diện tích đất mở lối đi gồm:

+ Nhà ở: cấu trúc móng cột bê tông, tường xây gạch + sơn, kèo thép, mái tole, nền ceramic 400 x 400, có trần, có khu phụ. Diện tích 1,5m x 08m =12 m^2.

+ Mái che: cấu trúc cột thép, kèo thép, mái tole, nền đá xanh, không vách. Diện tích 11,4 m^2.

Buộc bà Nguyễn Thị C và ông Huỳnh Văn T phải đền bù cho anh Nguyễn Quang N giá trị tài sản bị thiệt hại là 49.411.000 đồng (Bốn mươi C triệu, bốn trăm mười một ngàn đồng).

Việc mở lối di, tháo dỡ, di dời tài sản và giao nhận tiền được thực hiện cùng lúc khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.

2/ Về án phí:

Anh N phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm

Buộc ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị C phải chịu 2.270.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Ông T, bà C đã nộp tạm ứng án phí 200.000 đồng theo biên lai số 13637 ngày 29/8/2016 và 300.000 đồng theo biên lai số 14679 ngày 11/9/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang, nên còn phải nộp tiếp 1.770.000 đồng (Một triệu, bảy trăm, bảy mươi ngàn đồng).

3/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án tuyên lúc 8 giờ 15 phút ngày 28/12/2017, có mặt ông T, bà C. vắng kiểm sát viên.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Tp HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lưu Thị Thu Thủy